

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2018/HS-ST

Ngày: 26-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Ông Lục Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 157/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1991 tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1962; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/5/2013, bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 835/QĐ ngày 04/5/2013 của chủ tịch UBND huyện D, chấp hành xong ngày 22/4/2015; bị tạm giữ, tạm giam từ 16/6/2018 đến ngày 22/6/2018 được tại ngoại để điều tra, có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị S, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B, vắng mặt.

2. Lê Kim T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh B, có mặt.

2. Phan Ngọc T, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố M, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 11/6/2018, bị cáo Trần Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Dream biển số 61H1-303.18 từ thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh B về nhà của T ở khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh B. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T ghé vào tiệm tạp hóa Chị S cạnh đường ĐT744 thuộc ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B để mua nước uống. T vào bên trong tiệm gọi nhưng không thấy ai trả lời. Lúc này T thấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng của bà Nguyễn Thị S để trên thùng bia bên trong tiệm nên nảy sinh ý định trộm cắp để sử dụng. T lấy điện thoại bỏ vào túi quần, rồi điều khiển xe mô tô bỏ đi.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, T đến tiệm tạp hóa S Điều thuộc ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B, T dừng xe mô tô biển số 61H1-303.18, đi bộ vào bên trong tiệm để mua nước uống. Chủ tiệm là bà Lê Kim T1 bán cho T một chai nước. T trả tiền rồi đi ra xe thì thấy một điện thoại di động hiệu Nokia 3310 màu xanh đen để trên ghế phía trước cửa tiệm nên nảy sinh ý định trộm cắp để sử dụng. Thấy bà T1 không để ý, T lén lút cầm lấy điện thoại rồi điều khiển xe mô tô chạy về nhà. Về đến nhà, T tháo bỏ sim bên trong 02 điện thoại rồi cất giữ để sử dụng.

Khoảng 10 giờ 20 phút, ngày 16/6/2018, Công an xã P đang tuần tra trên đoạn đường ĐT744 thuộc ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B thì gặp T điều khiển xe mô tô biển số 61H1-303.18 có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. T thừa nhận có sử dụng ma túy và thực hiện 02 vụ trộm cắp điện thoại di động hiện đang cất giữ trong người. Công an xã P đưa T về trụ sở làm việc và tiến hành thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 3310 màu xanh đen;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu đen;
- 01 (một) xe mô tô hiệu Dream biển số 61H1-303.18, số khung 86324, số máy 0181547;
- Số tiền 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 16/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã B, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng trị

giá 3.500.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 3310 màu xanh đen trị giá 945.000 đồng, tổng cộng giá trị tài sản T chiếm đoạt là 4.445.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 61H1-303.18, T khai nhận ngày 11/6/2018 T mượn xe mô tô của mẹ là bà Lê Thị H làm phương tiện đi lại. Bà H không biết T sử dụng xe mô tô của bà để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Qua xác minh, xác định xe mô tô hiệu Dream biển số 61H1-303.18, số khung 86324, số máy 0181547 có biển số đăng ký là 61F8-3860 do ông Phan Ngọc T đứng tên giấy đăng ký xe. Theo lời trình bày của bà H: Bà mua lại xe mô tô biển số 61F8-3860 từ ông Phan Ngọc T vào năm 2015, với giá 3.000.000 đồng. Sau đó biển số 61F8-3860 bị rút mất. Bà H buôn bán ve chai nhặt được biển số 61H1-303.18 nên lấy gắn vào xe để sử dụng. Quá trình điều tra, ông Phan Ngọc T thừa nhận đã bán xe cho bà H.

Ngày 02/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã ra Quyết định xử lý vật chứng và:

- Giao trả cho bà Lê Thị H 01 (một) xe mô tô hiệu Dream biển số 61H1-303.18 số khung 86324, số máy 0181547;
- Giao trả cho bà Nguyễn Thị S 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng;
- Giao trả cho bà Lê Kim T1 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 3310, màu xanh đen;
- Giao trả cho bị cáo Trần Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu đen và 3.800.000 đồng là tài sản cá nhân của T.

Tại bản Cáo trạng số 166/CT-VKSBC ngày 21/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B trong phần tranh luận tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 06 tháng (S tháng) đến 08 tháng (tám tháng) tù.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị S và Lê Kim T1 vắng mặt tại phiên tòa, theo lời khai trong hồ sơ vụ án: Bị hại Nguyễn Thị S và Lê Kim T1 đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, theo lời khai có trong hồ sơ vụ án: Ông T thừa nhận có bán xe mô tô hiệu Dream số khung 86324, số máy 0181547 có biển số đăng ký là 61F8-3860 cho bà H vào năm 2015 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Vì vậy ông T không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày: Chiếc xe mô tô hiệu Dream biển số 61H1-303.18 là tài sản của bà H mua lại từ ông Phan Ngọc T nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Bà H cho bị cáo T mượn xe làm phương tiện đi lại nhưng không biết bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản. Bà H đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Ngày 11/6/2018 tại ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B và ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B, bị cáo Trần Văn T đã có hành vi lén lút lấy trộm một 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng của bị hại Nguyễn Thị S và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 màu xanh đen của bị hại Lê Kim T1.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì động cơ tư lợi, bản chất tham lam, lười lao động, muốn có tài sản để sử dụng mà không phải tốn công sức lao động nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả, thể hiện ý thức liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng trị giá 3.500.000 đồng của bị hại Nguyễn Thị S và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 màu xanh đen trị giá 945.000 đồng của bị hại Lê Kim T1, tổng

giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.445.000 đồng (bốn triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân.

Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, bản Cáo trạng số 166/CT-VKSBC ngày 21/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự : Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân của bị cáo: Ngày 04/5/2013, bị cáo bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 835/QĐ ngày 04/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, chấp hành xong ngày 22/4/2015.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị S và Lê Kim T1 đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Dream biển số 61H1-303.18, số khung 86324, số máy 0181547 có biển số đăng ký là 61F8-3860 là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị

H mua lại từ ông Phan Ngọc T nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Bà H cho bị cáo T mượn xe mô tô làm phương tiện đi lại nhưng không biết bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả xe mô tô trên cho bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng là tài sản hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị S, điện thoại di động hiệu Nokia 3310, màu xanh đen là tài sản hợp pháp của bị hại Lê Kim T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả số tài sản nêu trên cho các bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu đen và số tiền 3.800.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại số tài sản trên cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 tháng (S tháng) tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2018 đến ngày 22/6/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Nguyễn Thị Duyên**